

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/DSST.

Ngày: 26-5-2025.

V/v: “*Kiến nghị tranh chấp
hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Đình Ry.

2. Ông Y Dhiều Hmok.

-Thư ký phiên tòa: Ông Thiệu Sỹ Vững – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 26/5/2025 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 177/2024/TLST-DS, ngày 25/12/2024, về việc “*Kiến nghị tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐST-DS ngày 18/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-DS ngày 08/5/2025 giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Diệu H, sinh năm 1971. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: TDP 1, thị trấn Pong D, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1961. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Địa chỉ: Số 44/22 Lê Duẩn, TDP 3, phường An L, thị xã Buôn H, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/11/2019 bà H cho bà L vay 400.000.000 đồng và ngày 18/8/2020 bà H tiếp tục cho bà L vay 400.000.000 đồng, tổng cộng 02 lần vay là 800.000.000 đồng, không có thời hạn trả nợ. Ngày 27/10/2021 bà L trả cho bà H 200.000.000 đồng, số tiền

bà L còn nợ lại 600.000.000 đồng, nay bà H yêu cầu bà L phải có nghĩa vụ trả cho bà H toàn bộ số tiền nợ còn lại 600.000.000 đồng.

Về lãi suất: Bà H yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bà H không có yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:

Do chỗ quen biết nên ngày 05/11/2019 bà L vay của bà H 400.000.000 đồng và ngày 18/8/2020 bà L vay tiếp bà H 400.000.000 đồng, tổng cộng 02 lần vay là 800.000.000 đồng do tiền vay nóng, nên không có thời hạn trả nợ. Ngày 27/10/2021 bà L trả cho bà H 200.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại 600.000.000 đồng bà L đã trả hết nợ cho bà H do trả nhiều lần nên bà L không nhớ cụ thể thời gian trả, khi trả tiền bà L đưa tiền còn bà H ghi vào sổ, nên bà L không có giấy tờ trả nợ cho bà H.

Do bà L đã trả hết nợ cho bà H, nên việc bà H khởi kiện yêu cầu bà L trả nợ 600.000.000 đồng, bà L không chấp nhận.

Bà L thừa nhận chữ ký dưới mục Người vay tiền tại 02 giấy vay tiền đề ngày 05/11/2019 và ngày 18/8/2020 là do bà L ký và viết ra

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng trình tự theo quy định của pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của đương sự có trong hồ sơ vụ án do chủ tọa phiên tòa đã công bố tại phiên tòa thể hiện việc bà H khởi kiện yêu cầu bà L trả cho bà H số tiền nợ 600.000.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 469 Bộ luật dân sự, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc bà Trần Thị Diệu H khởi kiện bà Phạm Thị L tại Tòa án và Tòa án thụ lý giải quyết về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà L đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung: Ngày 05/11/2019 bà L vay bà H 400.000.000 đồng và ngày 18/8/2020 bà L tiếp tục vay bà H 400.000.000 đồng, tổng cộng 02 lần vay là 800.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, không có thời hạn trả nợ. Ngày 27/10/2021 bà L trả cho bà H 200.000.000 đồng, số tiền bà L còn nợ lại 600.000.000 đồng từ đó cho đến nay bà L không có thiện chí trả nợ cho bà H.

Bà L thừa nhận chữ ký tại 02 giấy vay tiền đề ngày 05/11/2019 và ngày 18/8/2020 là do bà L ký vay tiền, ngày 27/10/2021 bà L trả cho bà H 200.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại 600.000.000 đồng bà L đã trả hết nợ cho bà H và do trả nhiều lần nên bà L không nhớ cụ thể thời gian trả, khi trả tiền bà L đưa tiền còn bà H ghi vào sổ, nên bà L không có giấy tờ trả nợ cho bà H.

Căn cứ vào giấy vay tiền đề ngày 05/11/2019 và ngày 18/8/2020 do bà H cung cấp và trong quá trình giải quyết vụ án bà L thừa nhận đó là chữ ký của bà L vay tiền của bà H 02 lần với số tiền 800.000.000 đồng, ngày 27/10/2021 bà L trả cho bà H 200.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại 600.000.000 đồng bà L cho rằng đã trả hết nợ cho bà H, bà H không thừa nhận là bà L đã trả cho bà H 600.000.000 đồng, số tiền này bà L vẫn còn nợ bà H. Trong quá trình giải quyết vụ án bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh, nên yêu cầu phản đối của bà L không được chấp nhận.

Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, các bên đã xác lập “Hợp đồng vay tài sản” về điều kiện, mục đích, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 117, Điều 118, Điều 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 27/10/2021 bà L trả cho bà H 200.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại 600.000.000 đồng cho đến nay bà L không thực hiện đúng cam kết là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

[3]. Về lãi suất: Tại 02 giấy vay tiền đề ngày 05/11/2019 và ngày 18/8/2020 các bên không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, nên đây là HĐ vay không kỳ hạn và không có lãi được quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự. Do các đương sự không thỏa thuận thời hạn trả nợ, nên xác định ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày Tòa án thông báo thụ lý vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, lãi suất được tính từ ngày thụ lý vụ án là ngày 25/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/5/2025) là 05 tháng 01 ngày (151 ngày), cụ thể: $[(600.000.000 \text{ đồng} \times 10\%) \times 151 \text{ ngày}] : 365 \text{ ngày} = 24.821.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn số).

Như vậy, tổng cộng gốc và lãi suất là $(600.000.000 \text{ đồng tiền gốc} + 24.821.000 \text{ đồng tiền lãi}) = 624.821.000 \text{ đồng}$.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận, nên bà L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trả lại cho bà Hương tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Diệu H.

Buộc bà Phạm Thị L trả cho bà Trần Thị Diệu H 624.821.000 đồng (sáu trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm hai mươi một nghìn đồng), trong đó 600.000.000 đồng tiền nợ gốc và 24.821.000 đồng tiền nợ lãi.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 6 Điều 19; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Phạm Thị L phải chịu 28.992.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Trần Thị Diệu H 14.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, theo biên lai số 0004015 ngày 24/12/2024.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND TX Buôn Hồ;
- Chi cục THADS TX Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ